

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/KDTM-ST

Ngày: 07-11-2022

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị LA Phương và bà Đoàn Thị Thanh Nhàn.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thuận, Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Phương Hồng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H, mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 67/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 198/TB-TA ngày 24/10/2022, giữa các đương sự:

- N đơn: Ngân hàng TMCP N; địa chỉ: 189 T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang Dũng – Chủ tịch HĐQT.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Minh Đ và ông Trần Cao N; địa chỉ: 78 H, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (theo văn bản ủy quyền số 252/UQ-HUE.KT ngày 06/7/2021). Có mặt.

- Bị đơn: Anh Hồ Quang M, sinh năm 1973- Chủ hộ kinh doanh T và chị Trần Thị Minh A, sinh năm 1972; Cùng địa chỉ: KQH T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, phía nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP N (tên viết tắt là N) với anh Hồ Quang M và chị Trần Thị Minh A đã ký Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 1519/2018/KHBL- BDS ngày 18/10/2018 với nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền cho vay: 450.000.000 đồng.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh.
- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân.
- Lãi suất cho vay 9,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, anh Hồ Quang M và chị Trần Thị Minh A đã thế chấp cho N tài sản sau: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 460.14.B, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại thôn N, xã P, huyện V (nay là phường P, thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 236-A/2016/VCB-PVD/TCTS ngày 27/9/2016.

Theo nội dung tại hợp đồng cho vay đã ký kết, N đã thực hiện giải ngân cho anh M, chị A số tiền 450.000.000 đồng. Quá trình trả nợ, anh M, chị A đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho N như đã cam kết mặc dù phía N đã nhiều lần thông báo, làm việc với anh M, chị A. Vì vậy, N khởi kiện ra Tòa án.

Tính đến ngày 07/11/2022, anh M, chị A còn nợ N tổng số tiền 626.484.712 đồng, gồm: nợ gốc 424.326.295 đồng, nợ lãi trong hạn 138.051.730 đồng, nợ lãi quá hạn 64.106.687 đồng. N yêu cầu Tòa án tuyên buộc anh M, chị A phải trả hết số tiền còn nợ nói trên và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết khoản nợ.

Nếu anh M, chị A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, căn cứ vào Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất mà các bên đã ký kết, N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp đã xử lý các tài sản thế chấp nhưng vẫn không đủ trả hết khoản nợ, thì buộc anh M, chị A có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho N đến khi hết nợ.

Tại bản tự khai, quá trình làm việc bị đơn là chị Trần Thị Minh A trình bày:

Ngày 18/10/2018, chị A và anh M có ký hợp đồng tín dụng với N số 1519/2018/KHBL-BDS ngày 18/10/2018 để vay số tiền 450.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, phía ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền 450.000.000 đồng cho vợ chồng chị. Để đảm bảo cho khoản vay nói trên, chị và anh M đã thế chấp Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 460.14.B, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại thôn N, xã P, huyện V (nay là phường P, thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 236-A/2016/VCB-PVD/TCTS ngày 27/9/2016. Chị A thừa nhận đến ngày 14/6/2022, chị và anh M đang còn nợ N 439.226.295 đồng nợ gốc và khoản tiền lãi. Do hiện nay tình hình kinh tế gia đình chị đang gặp khó khăn nên không thể trả một lần hết khoản nợ cho N được. Chị A xin được trả dần số tiền nợ nói trên cho đến khi hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố H đã nhiều lần triệu tập anh Hồ Quang M đến làm việc nhưng anh M không đến. Vì vậy, Tòa án không lấy lời khai của anh M được, cũng như không thể tiến hành hòa giải được.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật và qua điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H có ý kiến:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng:*

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng với quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 280, 299, 317, 323, 463, 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Sau khi căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và mục đích vay vốn là để bổ sung vốn kinh doanh, thì đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận (cả Ngân hàng TMCP N và anh Hồ Quang M đều có đăng ký kinh doanh). Vì vậy, tòa án xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về kinh doanh thương mại.

- Ngân hàng TMCP N Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Hồ Quang M và chị Trần Thị Minh A phải trả số tiền còn nợ cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Anh M, chị A có địa chỉ nơi cư trú tại thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Phía bị đơn là anh Hồ Quang M và chị Trần Thị Minh A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 18/10/2018, Ngân hàng TMCP N với anh Hồ Quang M và chị Trần Thị Minh A đã ký Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 1519/2018/KHBL- BĐS với nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền cho vay: 450.000.000 đồng.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh.
- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân.
- Lãi suất cho vay 9,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng TMCP N đã thực hiện giải ngân cho anh M, chị A số tiền 450.000.000 đồng, được thể hiện qua giấy nhận nợ do anh M ký ngày 23/10/2018 và chị A cũng đã xác nhận điều này. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh M, chị A đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N như cam kết. Mặc dù phía Ngân hàng TMCP N đã nhiều lần thông báo, làm việc với anh M, chị A nhưng phía bị đơn vẫn không có thiện chí để trả nợ nên Ngân hàng TMCP N khởi kiện ra Tòa án. Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP N yêu cầu anh M, chị A phải trả toàn bộ số tiền còn nợ của Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 1519/2018/KHBL- BĐS ngày 18/10/2018 tính đến ngày 07/11/2022 là 626.484.712 đồng, gồm: nợ gốc 424.326.295 đồng, nợ lãi trong hạn 138.051.730 đồng, nợ lãi quá hạn 64.106.687 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/11/2022 cho đến khi trả hết khoản nợ.

Tại bản tự khai, các buổi hòa giải, bị đơn là chị Trần Thị M A thừa nhận, tính đến ngày 14/6/2022 thì vợ chồng chị còn nợ Ngân hàng TMCP N số tiền gốc là 439.226.295 đồng và khoản tiền lãi.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng quy định của pháp luật cả về nội dung lẫn hình thức nên có hiệu lực thi hành đối với các bên. anh M, chị A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết nên Ngân hàng TMCP N khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu anh M, chị A phải trả số tiền còn nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì vậy, cần buộc anh M, chị A phải trả cho Ngân hàng TMCP N tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 07/11/2022 là 626.484.712 đồng, gồm: nợ gốc 424.326.295 đồng, nợ lãi trong hạn 138.051.730 đồng, nợ lãi quá hạn 64.106.687 đồng. Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh M, chị A còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền còn nợ, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết số tiền nợ.

- Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 236-A/2016/VCB-PVD/TCTS ngày 27/9/2016 được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng quy định của pháp luật cả về nội dung lẫn hình thức, hợp đồng này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Theo cam kết giữa bên thế chấp và bên nhận thế chấp tài sản thì bên thế chấp đồng ý dùng tài sản thế chấp để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo đảm tại các hợp đồng tín dụng được ký kết trong thời hạn 10 năm kể từ

ngày ký hợp đồng, nghĩa vụ đó bao gồm: dư nợ gốc và dư nợ lãi, các khoản chi phí phát sinh liên quan. Vì vậy, nếu anh M, chị A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, căn cứ vào Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất nói, Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp đã xử lý các tài sản thế chấp nhưng vẫn không đủ trả hết khoản nợ, thì buộc anh M, chị A có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP N đến khi hết nợ.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP N tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 3.000.000 đồng, đã nộp đủ.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP N đơn được chấp nhận nên N đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí trên số tiền N đơn yêu cầu được Tòa án chấp nhận, cụ thể:

- Anh Hồ Quang M và chị Trần Thị Minh A phải chịu: 20.000.000 + (226.484.712 đồng x 4%) = 29.059.300 đồng (làm tròn).

- Trả lại cho Ngân TMCP N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.347.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001004 ngày 07/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 299, 317, 323, 463, 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP N.
2. Buộc anh Hồ Quang M - Chủ hộ kinh doanh T và chị Trần Thị Minh A phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP N tổng số tiền còn nợ của Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 1519/2018/KHBL- BDS ngày 18/10/2018 là 626.484.712 đồng (Sáu trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn bảy trăm mười hai đồng), gồm: nợ gốc 424.326.295 đồng, nợ lãi trong hạn 138.051.730 đồng, nợ lãi quá hạn 64.106.687 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh Hồ Quang M - Chủ hộ kinh doanh T và chị Trần Thị Minh A còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền còn nợ, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 1519/2018/KHBL-BDS ngày 18/10/2018 cho đến khi trả hết số tiền nợ.

Trường hợp, anh Hồ Quang M - Chủ hộ kinh doanh T và chị Trần Thị Minh A không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đảm bảo cho khoản vay để thu hồi nợ là:

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 460.14.B, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại thôn T, xã P, huyện V (nay là phường P, thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 236-A/2016/VCB-PVD/TCTS ngày 27/9/2016.

Trường hợp, tài sản thế chấp đã được xử lý nhưng không đủ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP N thì anh Hồ Quang M - Chủ hộ kinh doanh T và chị Trần Thị Minh A có nghĩa vụ, tiếp tục trả số tiền nợ còn lại cho đến khi hết nợ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP N tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 3.000.000đồng, đã nộp đủ.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Anh Hồ Quang M - Chủ hộ kinh doanh T và chị Trần Thị Minh A phải chịu: 29.059.300 đồng.

- Trả lại cho Ngân TMCP N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.347.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001004 ngày 07/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xét xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Văn Hạnh